

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2022/HS-ST
Ngày 19 - 7 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Phạm Thị Kim Loan.

2/ Ông Văn Thi Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **TRẦN THÁI B**, sinh ngày 12/8/1983 tại: tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 27, thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: tổ 27, thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: thợ hớt tóc; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không; con ông: Trần C (sinh năm: 1951) và bà: Thái Thị N (sinh năm: 1958, đều còn sống), gia đình có năm anh em, bị cáo là con thứ hai; có vợ: Ngô Thị Tú L (sinh năm: 1987), có 01 con 12 tuổi; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. **ĐINH NGỌC S**, sinh ngày 03/6/1989 tại: tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 4, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: đường H, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không; con ông: Đinh Ngọc K (sinh năm: 1965) và bà: Kiều Thị Văn N (sinh năm: 1966, đều còn sống); gia đình có hai anh em, bị cáo là con đầu; có vợ: Nguyễn Thị Thanh T (sinh năm: 1993) tiền án, tiền sự: không; nhân thân: năm 2008 bị Công an phường M, thành phố H xử phạt 200.000 đồng về hành vi “ Trộm cắp tài sản”; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. **PHẠM ĐỨC Đ**, sinh ngày 20/11/1981 tại: tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 12, khối P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở

hiện nay: tổ 12, khối P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: ngư dân; trình độ học vấn: 02/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: Phạm Đ (sinh năm 1954) và bà: Ninh Thị Bích N (sinh năm 1958, đều còn sống); gia đình có 4 anh em, bị cáo là con đầu; có vợ: Nguyễn Thị S (sinh năm 1985), có 2 con, lớn nhất 16 tuổi, nhỏ nhất 9 tuổi; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. **LÊ CÔNG P1**, sinh ngày 14/7/1994 tại: tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 18, khối A, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký tạm trú: tổ 19, thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: tổ 19, thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không; con ông: Lê Hồng X (sinh năm: 1963) và bà: Trương Thị V (sinh năm: 1966, đều còn sống), gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; có vợ: Nguyễn Thiện Thủy H (sinh năm: 1993), có 01 con 3 tuổi; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 25/6/2018 bị Công an phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. **TRẦN NGỌC T1**, sinh ngày 01/9/1991 tại: tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường H, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: đường C, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không; con ông: Trần Ngọc N (sinh năm: 1964) và bà: Ngô Thị Y (sinh năm: 1964, đều còn sống), gia đình có hai anh em, bị cáo là con đầu; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. **VÕ DUY P2**, sinh ngày 26/10/1988 tại: tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 49, khối T, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký tạm trú: đường L, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: đường L, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không; con ông: Võ Thị Bích H (sinh năm: 1960); có vợ: Nguyễn Thị Kim T (sinh năm: 1991), có 02 con, lớn nhất 8 tuổi, nhỏ nhất 5 tuổi; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. **PHÙNG VĂN H**, sinh ngày 06/01/ 1997 tại: tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 27, thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: tổ 27, thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 06/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: Phùng Văn T (đã chết) và bà Phan Thị D (sinh năm: 1962), gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ ba; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 29/4/2016 bị Công an thành phố H, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính 3.250.000 đồng về hành vi “tàng trữ dao tự chế đánh người”; ngày 25/6/2018 bị Công an phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

8. **NGUYỄN VĂN T2**, sinh ngày 08/12/1983 tại: tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường H, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký tạm trú: tổ 7, thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: tổ 7, thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: thợ may; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông: Nguyễn C (đã chết) và bà: Nguyễn Thị T (sinh năm: 1937), gia đình có 5 anh em, bị cáo là con thứ năm; có vợ: Lê Thùy L (Sinh năm: 1986), có 01 con 9 tuổi; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

9. **DƯƠNG TẤN L**, sinh ngày 05/12/ 1981 tại: tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 19 khối A, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: tổ 19 khối A, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: thợ cơ khí; trình độ học vấn: 08/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: Dương Tấn T (sinh năm: 1949) và bà: Nguyễn Thị L (sinh năm: 1956, đều còn sống), gia đình có 4 chị em, bị cáo là con thứ ba; có vợ: Lê Thị H (sinh năm: 1984), có 3 con, lớn nhất 15 tuổi, nhỏ nhất 2 tuổi; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/4/2022.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** bà Phan Thị Tuyết T3, sinh năm: 1982; nơi cư trú: tổ 01, khối A, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- **Người làm chứng:** chị Trần Thị Thanh N, sinh năm 2000; nơi cư trú: tổ 02, khối P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng công khai tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 07 giờ 50 ngày 19/3/2022 tại quán cà phê N, địa chỉ: đường T, phường T, thành phố H (do bà Phan Thị Tuyết T làm chủ), Công an thành phố H bắt quả tang Trần Thái B, Đinh Ngọc S, Phạm Đức Đ, Lê Công P1, Trần Ngọc T1, Võ Duy P2, Phùng Văn H, Nguyễn Văn T2 và Dương Tấn L đang tham gia đánh bạc dưới hình thức rung bầu cua thắng thua bằng tiền thông qua ứng dụng “Bầu cua” được cài đặt trên điện thoại di động. Thu giữ tại chiếu bạc 01 điện thoại di động Iphone 5 màu xám của Trần Thái B dùng để rung bầu cua và 2.380.000 đồng.

Cách thức đánh bạc như sau: Trần Thái B là người cầm cái, B sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu xám của mình cài đặt ứng dụng điện thoại mô phỏng trò chơi rung bầu cua. Trên màn hình điện thoại sẽ hiển thị 03 cục xí ngầu có 6 mặt có hình bầu, cua, tôm, cá, gà, nai và một nút đóng/mở ở giữa. Người chơi sẽ đặt cược tiền vào các mặt cược trên bàn cà phê tương ứng với vị trí các mặt bầu, cua, tôm, cá, gà, nai trên màn hình điện thoại. Sau khi đặt cược xong bất cứ người nào trừ B đều có thể nhấn nút mở để xem kết quả. Nếu kết quả trùng với mặt đã đặt cược thì người chơi thắng B số tiền với tỉ lệ 1:1 (nếu trùng một hình), 1:2 (nếu trùng hai hình), 1:3 (nếu trùng ba hình), nếu không trùng thì B

thắng. Với cách thức trên, tổng số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc là 18.190.000 đồng, cụ thể:

- Trần Thái B mang theo 41.000.000 đồng, sử dụng 6.000.000 đồng để đánh bạc, thắng 690.000 đồng; số tiền 35.000.000 đồng B cất giữ trong cốp xe không dùng vào việc đánh bạc.

- Đinh Ngọc S mang theo 5.700.000 đồng, sử dụng hết số tiền này để đánh bạc, thắng 350.000 đồng.

- Phạm Đức Đ mang theo 7.230.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, thua 100.000 đồng, 900.000 đồng còn lại do hoảng sợ nên Đ vứt lại trên chiếu bạc; số tiền 6.230.000 đồng Đ cất giữ trong người không dùng vào việc đánh bạc.

- Lê Công P1 mang theo 900.000 đồng, sử dụng 900.000 đồng để đánh bạc, thắng 400.000 đồng.

- Trần Ngọc T1 mang theo 830.000 đồng, sử dụng 830.000 đồng để đánh bạc, thua 60.000 đồng.

- Võ Duy P2 mang theo 3.650.000 đồng, sử dụng 650.000 đồng để đánh bạc, thua 150.000 đồng; số tiền 3.000.000 đồng P2 cất giữ ở túi quần sau không dùng vào việc đánh bạc.

- Phùng Văn H mang theo 19.370.000 đồng, sử dụng 370.000 đồng để đánh bạc, thua 170.000 đồng; số tiền 19.000.000 đồng H cất giữ trong người không dùng vào việc đánh bạc.

- Nguyễn Văn T2 mang theo 5.400.000 đồng, sử dụng 250.000 đồng để đánh bạc, thắng 50.000 đồng; số tiền 5.150.000 đồng T2 cất giữ ở túi quần sau không dùng vào việc đánh bạc.

- Dương Tấn L mang theo 50.000 đồng, sử dụng 50.000 đồng để đánh bạc, thua 20.000 đồng. Số tiền 30.000 đồng còn lại do hoảng sợ nên L vứt lại trên chiếu bạc.

Ngoài ra, còn có một đối tượng khác (không rõ nhân thân, lai lịch) cùng tham gia đánh bạc thua hết tiền đi về trước.

Về thu giữ và xử lý đồ vật, tài liệu: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã tạm giữ tổng số tiền 86.570.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu xám của Trần Thái B; trong đó số tiền dùng để đánh bạc thu giữ tại chiếu bạc 2.380.000 đồng; số tiền dùng để đánh bạc thu giữ trên người các bị cáo gồm: Trần Thái B số tiền 6.690.000 đồng, Trần Ngọc T1 số tiền 770.000 đồng, Võ Duy P2 số tiền 500.000 đồng, Phùng Văn H số tiền 200.000 đồng, Lê Công P1 số tiền 1.300.000 đồng, Nguyễn Văn T2 số tiền 300.000 đồng, Đinh Ngọc S số tiền 6.050.000 đồng. Ngoài ra, số tiền thu giữ còn lại không dùng vào mục đích đánh bạc cụ thể Trần Thái B số tiền 35.000.000 đồng, Võ Duy P2 số tiền 3.000.000 đồng, Phùng Văn H số tiền 19.000.000 đồng, Nguyễn Văn T2 số tiền 5.150.000 đồng, Phạm Đức Đ số tiền 6.230.000 đồng;

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKSHA-HS ngày 06/6/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam truy tố các bị cáo Trần Thái B, Đinh

Ngọc S, Phạm Đức Đ, Lê Công P1, Trần Ngọc T1, Võ Duy P2, Phùng Văn H, Nguyễn Văn T2 và Dương Tấn L về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

+ Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Riêng đối với bị cáo Dương Tấn L được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

+ Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo như cáo trạng và đề nghị Hội Đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Thái B từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng; không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Đinh Ngọc S từ 30.000.000 đến 35.000.000 đồng; không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Đức Đ từ 25.000.000 đến 30.000.000 đồng; không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Công P1 từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng; không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T1 từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng; không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Võ Duy P2 từ 25.000.000 đến 30.000.000 đồng; không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Phùng Văn H từ 30.000.000 đến 35.000.000 đồng; không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng; không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Dương Tấn L từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng; không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: như Cáo trạng đã đề nghị.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo:* Khoảng 7 giờ 50 phút sáng ngày 19/3/2022, tại Quán cà phê N, đường T, phường T, thành phố H, các bị cáo Trần Thái B, Đinh Ngọc S, Phạm Đức Đ, Lê Công P1, Trần Ngọc T1, Võ Duy P2, Phùng Văn H, Nguyễn Văn T2 và Dương Tấn L có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức rung bầu cua thắng thua bằng tiền qua ứng dụng “Bầu cua” trên điện thoại di động với tổng số tiền dùng đánh bạc là 18.190.000 đồng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Thái B, Đinh Ngọc S, Phạm Đức Đ, Lê Công P1, Trần Ngọc T1, Võ Duy P2, Phùng Văn H, Nguyễn Văn T2 và Dương Tấn L tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa. Do đó, đủ cơ sở kết luận hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bản Cáo trạng số 27/CT-VKSHA-HS ngày 06/6/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam truy tố các bị cáo Trần Thái B, Đinh Ngọc S, Phạm Đức Đ, Lê Công P1, Trần Ngọc T1, Võ Duy P2, Phùng Văn H, Nguyễn Văn T2 và Dương Tấn L với tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội, phù hợp hoàn toàn với hành vi thực tế mà các bị cáo đã gây ra.

[3] *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Bản thân các bị cáo Trần Thái B, Đinh Ngọc S, Phạm Đức Đ, Lê Công P1, Trần Ngọc T1, Võ Duy P2, Phùng Văn H, Nguyễn Văn T2 và Dương Tấn L là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào, được thua bằng tiền mà không được pháp luật cho phép đều bị nghiêm cấm. Song, chỉ vì mục đích háms lợi các bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo bị pháp luật nghiêm cấm nên cần phải xử lý một cách nghiêm minh trước pháp luật nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung, củng cố và giữ gìn trật tự xã hội.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử; các bị cáo Trần Thái B, Đinh Ngọc S, Phạm Đức Đ, Lê Công P1, Trần Ngọc T1, Võ Duy P2, Phùng Văn H, Nguyễn Văn T2 và Dương Tấn L có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều

51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, gia đình bị cáo Dương Tấn L có người thân có công với Cách mạng nên bị cáo L được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, chỉ cần xử phạt tiền đối với các bị cáo theo như đề nghị của Kiểm sát viên cũng bảo đảm tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Trong vụ án này, bị cáo Trần Thái B dùng số tiền 6.000.000 đồng để đánh bạc và là người cầm cái nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với các bị cáo khác; các bị cáo Đinh Ngọc S dùng số tiền 5.700.000 để đánh bạc, bị cáo Lê Công P1 dùng số tiền 900.000 đồng để đánh bạc và bị cáo Phùng Văn H dùng số tiền 370.000 đồng để đánh bạc; ngoài ra cả 3 bị cáo S, P1 và H có nhân thân xấu, nên bị cáo Đinh Ngọc S, Lê Công P1 và Phùng Văn H phải chịu trách nhiệm hình sự bằng nhau nhưng cao hơn so với các bị cáo còn lại; các bị cáo Phạm Đức Đ dùng số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Trần Ngọc T1 dùng 830.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Võ Duy P2 dùng 650.000 đồng để đánh bạc, tuy nhiên các bị cáo này có nhân thân tốt nên chịu hình phạt thấp hơn các bị cáo S, P1, H nhưng cao hơn bị cáo Nguyễn Văn T2 và Dương Tấn L. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T2 dùng số tiền 350.000 đồng để đánh bạc và Dương Tấn L dùng 50.000 đồng để đánh bạc nên bị cáo T2 và L chịu hình phạt thấp hơn các bị cáo khác; riêng bị cáo Dương Tấn L có người thân là người có công với cách mạng nên bị cáo chịu trách nhiệm nhẹ nhất.

[4] Về xử lý vật chứng vụ án:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 18.190.000 đồng trong đó: số tiền dùng để đánh bạc thu giữ tại chiếu bạc 2.380.000 đồng; số tiền dùng để đánh bạc thu giữ trên người các bị cáo gồm: Trần Thái B số tiền 6.690.000 đồng, Trần Ngọc T1 số tiền 770.000 đồng, Võ Duy P2 số tiền 500.000 đồng, Phùng Văn H số tiền 200.000 đồng, Lê Công P1 số tiền 1.300.000 đồng, Nguyễn Văn T2 số tiền 300.000 đồng, Đinh Ngọc S số tiền 6.050.000 đồng. Đây là số tiền do các bị cáo dùng để đánh bạc;

- Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu xám của Trần Thái B sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- Đối với số tiền tạm giữ trên người các bị cáo, quá trình điều tra xác định không liên quan đến việc đánh bạc, nên trả lại cho chủ sở hữu nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án, cụ thể: trả cho Trần Thái B số tiền 35.000.000 đồng, Võ Duy P2 số tiền 3.000.000 đồng, Phùng Văn H số tiền 19.000.000 đồng, Nguyễn Văn T2 số tiền 5.150.000 đồng, Phạm Đức Đ số tiền 6.230.000 đồng; tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[5] Các vấn đề liên quan trong vụ án:

[5.1] Đối với bà Phan Thị Tuyết T3, chủ quán cà phê N, do không có mặt ở quán tại thời điểm xảy ra hành vi phạm tội nên không biết việc các bị cáo đánh

bạc. Nhân viên của quán là chị Trần Thị Thanh N không nhận tiền xâu, không cung cấp dụng cụ đánh bạc. Cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[5.2] Đối với một đối tượng uống cà phê cùng tham gia đánh bạc thua hết tiền đi về trước, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tách riêng để điều tra, xử lý là phù hợp.

[6] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thái B, Đinh Ngọc S, Phạm Đức Đ, Lê Công P1, Trần Ngọc T1, Võ Duy P2, Phùng Văn H, Nguyễn Văn T2 và Dương Tấn L phạm tội “Đánh bạc”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Xử phạt bị cáo Trần Thái B số tiền **35.000.000** đồng (**Ba mươi lăm triệu đồng**).

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Xử phạt bị cáo Đinh Ngọc S số tiền **30.000.000** đồng (**Ba mươi triệu đồng**).

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Xử phạt bị cáo Lê Công P1 số tiền **30.000.000** đồng (**Ba mươi triệu đồng**).

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Xử phạt bị cáo Phùng Văn H số tiền **30.000.000** đồng (**Ba mươi triệu đồng**).

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Xử phạt bị cáo Phạm Đức Đ số tiền **25.000.000** đồng (**Hai mươi lăm triệu đồng**).

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T1 số tiền **25.000.000** đồng (**Hai mươi lăm triệu đồng**).

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Xử phạt bị cáo Võ Duy P2 số tiền **25.000.000** đồng (**Hai mươi lăm triệu đồng**).

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 số tiền **22.000.000** đồng (**Hai mươi hai triệu đồng**).

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Xử phạt bị cáo Dương Tấn L số tiền **20.000.000** đồng (**Hai mươi triệu đồng**).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 18.190.000 đồng (*Mười tám triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng*);

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu xám của bị cáo Trần Thái B.

- Trả cho bị cáo Trần Thái B số tiền 35.000.000 đồng; bị cáo Võ Duy P2 số tiền 3.000.000 đồng; bị cáo Phùng Văn H số tiền 19.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn T2 số tiền 5.150.000 đồng; bị cáo Phạm Đức Đ số tiền 6.230.000 đồng; tuy nhiên cần tiếp tục quy trừ số tiền để đảm bảo thi hành án.

(Số tiền 86.570.000 đồng đang được tạm gửi trong tài khoản tạm giữ của Công an thành phố H tại Kho bạc Nhà nước theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 06/4/2022; số tang vật còn lại đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố H theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 07/6/2022).

Về án phí: Căn cứ vào các điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trần Thái B, Đinh Ngọc S, Phạm Đức Đ, Lê Công P1, Trần Ngọc T1, Võ Duy P2, Phùng Văn H, Nguyễn Văn T2 và Dương Tấn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (19/7/2022). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Hội An;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Công an thành phố Hội An;
- Chi cục THADS TP. Hội An;
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu: HSYA, VT, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Nhạn